

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2026/DS- ST
Ngày: 27/3/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Đỗ Văn Riều**

Ông **Phan Văn Duy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Thy** - Thư ký Tòa án nhân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở chính Tòa án nhân dân khu vực 2 tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 827/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bị đơn: **Trương Thị Cẩm G**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị D có mặt, chị G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị D trình bày:

Chị G có vay của chị D số tiền 116.000.000 đồng, mục đích kinh doanh làm 2 lần, cụ thể như sau:

Ngày 21/11/2022, chị G vay số tiền 50.000.000 đồng, có lập Hợp đồng vay tiền không có biện pháp đảm bảo ngày 21/11/2022, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 1,66 %/tháng, thời hạn vay 06 tháng.

Ngày 06/6/2023, chị G vay số tiền 66.000.000 đồng, có lập biên nhận nhận tiền, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 1,66 %/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

Tổng 2 lần vay, chị D đã giao đủ tiền cho chị G. Sau khi vay lần đầu tiên, chị

G trả lãi đầy đủ cho đến sau ngày 06/6/2023 thì ngưng. Mặc dù chị D đòi nhiều lần nhưng vẫn không gặp được chị G.

Nay chị D yêu cầu chị G trả cho số tiền vay 116.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 06/6/2023 đến ngày 27/3/2026 là 31.772.400 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 147.772.400 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trương Thị Cẩm G vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thụ ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị G có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền nợ gốc 116.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/06/2023 đến khi xét xử, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí: Chị G chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Trương Thị Cẩm G vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị G.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị D và chị Trương Thị Cẩm G là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị D là có cơ sở bởi lẽ giữa chị D và chị G có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là Hợp đồng vay tiền không có biện pháp đảm bảo đề ngày 21/11/2022, số công chứng 016969, quyền số 24/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/11/2022 tại Văn phòng C; Biên nhận nhận tiền ngày 06/6/2023 với nội dung “*Hôm nay, ngày 06 tháng 06 năm 2023 tôi tên Trương Thị Cẩm G, sinh năm 20/4/1993 CMND/CCCD số 082193004994 Hộ*

khẩu thường trú: ấp C, T, GCD, TG có nhận của ông/bà Nguyễn Thị D sinh năm 1978 CMND/CCCD số 082178016984 Hộ khẩu thường trú ấp G, T, gò công đông Tiền Giang Số tiền là 66.000.000 + 50.000.000 đồng Việt Nam (bằng chữ: sáu mươi sáu triệu + năm mươi triệu đồng) Lý do giao nhận: cho vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Tổng cộng 2 lần vay là 116.000.000 đ (Một trăm mười sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa, chị D cho rằng, chị G vay số tiền 116.000.000 đồng có thỏa thuận bằng lời nói trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng, vay có thời hạn, trong thời gian vay tiền, chị G có trả lãi đến ngày 06/6/2023 thì ngưng cho đến nay. Chị D có tìm gặp chị G để lấy lại số tiền nhưng không gặp được chị G. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ, chị G không thực hiện trả nợ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị D.

Xét yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị D và chị G có thỏa thuận trả lãi bằng lời nói với lãi suất 1,66%/tháng nhưng chị G không thực hiện trả lãi theo thỏa thuận. Tại phiên tòa, chị D yêu cầu chị G trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/6/2023 đến ngày xét xử (ngày 27/3/2026) là 33 tháng với số tiền 31.772.400 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tòa án nhiều lần mời chị G đến trình bày ý kiến, hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện chị D nhưng chị vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như chị không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, cần buộc chị G có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền vốn, lãi là 147.772.400 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 147 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D

Buộc chị Trương Thị Cẩm G có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền vốn, lãi là 147.772.400 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị D cho đến khi thi hành án xong, chị G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Trương Thị Cẩm G chịu số tiền 7.388.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí 4.266.200 đồng theo biên lai số 0001299 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo trình tự phúc thẩm, chị G kháng cáo tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình